

Số: 2302/QĐ-UBND-NC

Quận 4, ngày 28 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phụ cấp cho Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn và tương đương  
trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2017 - 2018.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 tại Công văn số 697/GDDT-TC ngày 20/9/2017 và của Trưởng phòng Nội vụ Quận 4 tại Tờ trình số 707/TTr-PNV ngày 25/9/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay xếp phụ cấp chức vụ Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn và tương đương cho 229 giáo viên, nhân viên của 36 cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4 năm học 2017 - 2018 (có danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 4, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Hoàng Quân**

**DANH SÁCH TỔ TRƯỞNG, TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG  
NĂM HỌC 2017 - 2018**

(Kèm theo Quyết định số 2302/QĐ-UBND-NC ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

| Stt | Họ và tên                       | Chức danh | Chức vụ   | Tổ, khối nhóm, lớp | Hệ số | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-----------|-----------|--------------------|-------|---------|
|     | <b>Mầm Non 2</b>                |           |           |                    |       |         |
| 1   | Hoàng Thị Kim Thảo              | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ + Mầm | 0,2   |         |
| 2   | Trần Thị Mến                    | Giáo viên | Tổ phó    | Khối nhà trẻ + Mầm | 0,15  |         |
| 3   | Nguyễn Thị Mai Trâm             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi      | 0,2   |         |
| 4   | Nguyễn Thị Bích Trâm            | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá        | 0,2   |         |
| 5   | Nguyễn Kim Hạnh                 | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Lá        | 0,15  |         |
| 6   | Nguyễn Thy Linh                 | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2   |         |
| 7   | Trương Thị Ngọc Khánh           | Cấp dưỡng | Tổ phó    | Văn phòng HCQT     | 0,15  |         |
|     | <b>Mầm Non 3</b>                |           |           |                    |       |         |
| 8   | Quan Thị Mỹ Hương               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ+Mầm   | 0,2   |         |
| 9   | Nguyễn Thị Thu Hà               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi+Lá   | 0,2   |         |
| 10  | Dương Thị Minh Tâm              | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Chồi+Lá   | 0,15  |         |
| 11  | Diệp Vũ Bích Tuyền              | Cấp dưỡng | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2   |         |
|     | <b>Mầm Non Nguyễn Tất Thành</b> |           |           |                    |       |         |
| 12  | Châu Thanh Hoa                  | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ       | 0,2   |         |
| 13  | Nguyễn Thị Bảo Trân             | Giáo viên | Tổ phó    | Khối nhà trẻ       | 0,15  |         |
| 14  | Trần Thị Mỹ Dung                | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Mầm       | 0,2   |         |
| 15  | Đỗ Kha Trinh                    | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Mầm       | 0,15  |         |
| 16  | Bùi Nguyễn Phương Quỳnh         | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi      | 0,2   |         |
| 17  | Lê Thị Ngọc Thảo                | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Chồi      | 0,15  |         |
| 18  | Mai Thị Bích Liên               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá        | 0,2   |         |
| 19  | Đào Thu Luyện                   | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Lá        | 0,15  |         |
| 20  | Phạm Thị Thu Lệ                 | Văn thư   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2   |         |
| 21  | Lý Kiều Nga                     | Cấp dưỡng | Tổ phó    | Văn phòng HCQT     | 0,15  |         |
|     | <b>Mầm Non 6</b>                |           |           |                    |       |         |
| 22  | Nguyễn Thị Minh Đào             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Mầm       | 0,2   |         |
| 23  | Nguyễn Thị Thanh Vân            | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi      | 0,2   |         |



|    |                        |           |           |                   |      |  |
|----|------------------------|-----------|-----------|-------------------|------|--|
| 24 | Hà Hoàng Yến           | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá       | 0,2  |  |
| 25 | Trần Thị Mơ            | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT    | 0,2  |  |
|    | <b>Mầm Non 8</b>       |           |           |                   |      |  |
| 26 | Huỳnh Thị Mỹ Liên      | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ chuyên môn     | 0,2  |  |
| 27 | Vũ Thụy Sương          | Giáo viên | Tổ phó    | Tổ chuyên môn     | 0,15 |  |
| 28 | Lê Mai Thị Trinh       | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT    | 0,2  |  |
|    | <b>Mầm Non 9</b>       |           |           |                   |      |  |
| 29 | Trần Thị Ngọc Trâm     | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ chuyên môn     | 0,2  |  |
| 30 | Nguyễn Thị Thùy Dương  | Giáo viên | Tổ phó    | Tổ chuyên môn     | 0,15 |  |
| 31 | Phạm Thị Bích Huyền    | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT    | 0,2  |  |
|    | <b>Mầm Non 10</b>      |           |           |                   |      |  |
| 32 | Nguyễn Thị Thanh Hằng  | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ chuyên môn     | 0,2  |  |
| 33 | Nguyễn Thị Thu Nguyệt  | Giáo viên | Tổ phó    | Tổ chuyên môn     | 0,15 |  |
| 34 | Trương Mỹ Tuyết        | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT    | 0,2  |  |
|    | <b>Mầm Non 12</b>      |           |           |                   |      |  |
| 35 | Trần Thị Ngọc Hai      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ, Mầm | 0,2  |  |
| 36 | Phạm Thị Hoàng Vân     | Giáo viên | Tổ phó    | Khối nhà trẻ, Mầm | 0,15 |  |
| 37 | Vũ Thị Liên            | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi, Lá | 0,2  |  |
| 38 | Nguyễn Thị Ngọc        | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Chồi, Lá | 0,15 |  |
| 39 | Trần Thị Kim Liên      | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT    | 0,2  |  |
| 40 | Cao Thị Nhã            | Nhân viên | Tổ phó    | Văn phòng HCQT    | 0,15 |  |
|    | <b>MN Sao Mai 12</b>   |           |           |                   |      |  |
| 41 | Trương Tuyết Hạnh      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ      | 0,2  |  |
| 42 | Hoàng Thị Định         | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Mầm      | 0,2  |  |
| 43 | Trần Thị Ngọc Diệp     | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Mầm      | 0,15 |  |
| 44 | Lê Bích Ngọc           | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi     | 0,2  |  |
| 45 | Bùi Thị Ngọc Quyên     | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Chồi     | 0,15 |  |
| 46 | Huỳnh Triệu Mân        | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá       | 0,2  |  |
| 47 | Nguyễn Thị Kim Quyên   | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Lá       | 0,15 |  |
| 48 | Phan Thị Quyên         | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT    | 0,2  |  |
| 49 | Dương Thị Phương Trang | Nhân viên | Tổ phó    | Văn phòng HCQT    | 0,15 |  |
|    | <b>MN Sao Mai 13</b>   |           |           |                   |      |  |
| 50 | Lê Anh Thu Hằng        | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ      | 0,2  |  |
| 51 | Liu Kim Cúc            | Giáo viên | Tổ phó    | Khối nhà trẻ      | 0,15 |  |

|    |                        |           |           |                    |      |  |
|----|------------------------|-----------|-----------|--------------------|------|--|
| 52 | Lê Thị Hoa             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Mầm       | 0,2  |  |
| 53 | Trần Thị Kim Xuân      | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Mầm       | 0,15 |  |
| 54 | Trần Thị Kim Thịnh     | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi      | 0,2  |  |
| 55 | Phan Thị Uyên Phương   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá        | 0,2  |  |
| 56 | Nguyễn Thị Thùy Trang  | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Lá        | 0,15 |  |
| 57 | Nguyễn Thị Hồng Khuyên | Văn thư   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2  |  |
| 58 | Nguyễn Tuấn Anh        | Bảo vệ    | Tổ phó    | Văn phòng HCQT     | 0,15 |  |
|    | <b>Mầm Non 14</b>      |           |           |                    |      |  |
| 59 | Lê Thị Kim Hương       | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp NT, Mầm   | 0,2  |  |
| 60 | Phạm Thị Hồng Sinh     | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi, Lá  | 0,2  |  |
| 61 | Võ Thị Ngọc Hà         | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Chồi, Lá  | 0,15 |  |
| 62 | Lê Thụy Mỹ Trinh       | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2  |  |
|    | <b>Mầm Non 15</b>      |           |           |                    |      |  |
| 63 | Phạm Thị Minh Hậu      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ       | 0,2  |  |
| 64 | Đặng Thị Mỹ Linh       | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Mầm       | 0,2  |  |
| 65 | Nguyễn Thị Thùy Dung   | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Mầm       | 0,15 |  |
| 66 | Trương Thị Ngọc Dung   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi      | 0,2  |  |
| 67 | Nguyễn Thị Ngọc Châu   | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Chồi      | 0,15 |  |
| 68 | Trần Mai Thùy Trang    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá        | 0,2  |  |
| 69 | Đặng Huỳnh Từ Ái       | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Lá        | 0,15 |  |
| 70 | Nguyễn Thị Ngọc Tuyền  | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2  |  |
| 71 | Hoàn Thị Kim Hoàn      | Cấp dưỡng | Tổ trưởng | Tổ cấp dưỡng       | 0,2  |  |
|    | <b>Tuổi Xanh 16</b>    |           |           |                    |      |  |
| 72 | Nguyễn Thị Phụng       | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá        | 0,2  |  |
| 73 | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Mầm, Chồi | 0,2  |  |
| 74 | Phạm Thị Hồng Thủy     | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2  |  |
|    | <b>Mầm Non 18</b>      |           |           |                    |      |  |
| 75 | Lê Thị Hoàng Thảo      | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ chuyên môn      | 0,2  |  |
| 76 | Nguyễn Thị Ngọc Minh   | Giáo viên | Tổ phó    | Tổ chuyên môn      | 0,15 |  |
| 77 | Dương Thị Duy An       | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT     | 0,2  |  |
|    | <b>Mầm Non Căng</b>    |           |           |                    |      |  |
| 78 | Huỳnh Thị Linh Giang   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối nhà trẻ       | 0,2  |  |
| 79 | Lý Nhật Băng Tâm       | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Mầm       | 0,2  |  |
| 80 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Chồi      | 0,2  |  |



|                               |                       |           |           |                |      |  |
|-------------------------------|-----------------------|-----------|-----------|----------------|------|--|
| 81                            | Hoàng Oanh            | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Chồi  | 0,15 |  |
| 82                            | Phạm Thị Ngọc Anh     | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối lớp Lá    | 0,2  |  |
| 83                            | Phùng Ngọc Yên        | Giáo viên | Tổ phó    | Khối lớp Lá    | 0,15 |  |
| 84                            | Lê Trọng Thảo Hương   | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
| 85                            | Lê Phú Hà             | Cấp dưỡng | Tổ phó    | Văn phòng HCQT | 0,15 |  |
| <b>Tiểu học Nguyễn Huệ 1</b>  |                       |           |           |                |      |  |
| 86                            | Diệp Thúy Phương Thảo | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1, 2      | 0,2  |  |
| 87                            | Nguyễn Thị Ngọc Nga   | Giáo viên | Tổ phó    | Khối 1, 2      | 0,15 |  |
| 88                            | Lê Thị Ngọc Thúy      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3         | 0,2  |  |
| 89                            | Nguyễn Xuân Cường     | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4, 5      | 0,2  |  |
| 90                            | Lê Thị Kim Hương      | Giáo viên | Tổ phó    | Khối 4, 5      | 0,15 |  |
| 91                            | Phạm Văn Sang         | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
| <b>Tiểu học Đoàn Thị Điểm</b> |                       |           |           |                |      |  |
| 92                            | Lê Thị Diệu Tiên      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1         | 0,2  |  |
| 93                            | Nguyễn Thị Phương     | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2         | 0,2  |  |
| 94                            | Trần Thị Mỹ Hoa       | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3         | 0,2  |  |
| 95                            | Hoàng Hồng Phương     | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4         | 0,2  |  |
| 96                            | Đinh Thị Tuyết Hương  | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5         | 0,2  |  |
| 97                            | Vũ Thị Hạnh Mai       | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ bộ môn      | 0,2  |  |
| 98                            | Trương Thị Ngọc Nga   | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
| <b>Tiểu học Nguyễn Huệ 3</b>  |                       |           |           |                |      |  |
| 99                            | Lâm Kim Thủy          | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1         | 0,2  |  |
| 100                           | Phạm Thị Bích Loan    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2         | 0,2  |  |
| 101                           | Trần Thị Thu Hoa      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3         | 0,2  |  |
| 102                           | Võ Kim Chi            | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4         | 0,2  |  |
| 103                           | Trần Thị Thu Hường    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5         | 0,2  |  |
| 104                           | Ngô Thị Gấm           | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
| <b>Tiểu học Vĩnh Hội</b>      |                       |           |           |                |      |  |
| 105                           | Nguyễn Thị Nhung      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1         | 0,2  |  |
| 106                           | Nguyễn Thị Kim Liên   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2         | 0,2  |  |
| 107                           | Trần Mộng Đẹp         | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3         | 0,2  |  |
| 108                           | Lê Thụy Minh Trang    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4         | 0,2  |  |
| 109                           | Nguyễn Thị Hoài Thu   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5         | 0,2  |  |
| 110                           | Phan Hoàng Nhật Thiện | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ bộ môn      | 0,2  |  |

|     |                                 |           |           |                |      |  |
|-----|---------------------------------|-----------|-----------|----------------|------|--|
| 111 | Nguyễn Tá Mộng Thu              | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
|     | <b>Tiểu học Đặng Trần Côn</b>   |           |           |                |      |  |
| 112 | Dương Thị Hồng Huệ              | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1         | 0,2  |  |
| 113 | Lê Ánh Nguyệt                   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2         | 0,2  |  |
| 114 | Vũ Thị Mai                      | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3         | 0,2  |  |
| 115 | Trần Thị Xuân                   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4         | 0,2  |  |
| 116 | Nguyễn Thị Ngọc Quý             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5         | 0,2  |  |
| 117 | Nguyễn Trung Hiếu               | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ bộ môn      | 0,2  |  |
| 118 | Vũ Thị Thanh                    | Giáo viên | Tổ phó    | Tổ bộ môn      | 0,15 |  |
| 119 | Hà Mỹ Thanh Thùy                | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
| 120 | Vũ Tiến Nam                     | Nhân viên | Tổ phó    | Văn phòng HCQT | 0,15 |  |
|     | <b>Tiểu học Lý Nhơn</b>         |           |           |                |      |  |
| 121 | Nguyễn Thị Kim Dung             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1         | 0,2  |  |
| 122 | Nguyễn Thị Phương Thảo          | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2         | 0,2  |  |
| 123 | Lâm Thúy Vân                    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3         | 0,2  |  |
| 124 | Ngô Thị Ngọc Diễm               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4         | 0,2  |  |
| 125 | Hồ Phước Sơn                    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5         | 0,2  |  |
| 126 | Ngô Thị Kim Ngân                | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
|     | <b>Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi</b> |           |           |                |      |  |
| 127 | Lê Thị Mỹ Tiên                  | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1         | 0,2  |  |
| 128 | Nguyễn Thị Bích Thủy            | Giáo viên | Tổ phó    | Khối 1         | 0,15 |  |
| 129 | Trương Thị Hiếu Hạnh            | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2         | 0,2  |  |
| 130 | Cao Thiên Ngân                  | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3         | 0,2  |  |
| 131 | Nguyễn Thị Kim Liên             | Giáo viên | Tổ phó    | Khối 3         | 0,15 |  |
| 132 | Nguyễn Quách Cẩm Vân            | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4         | 0,2  |  |
| 133 | Đặng Thị Thảo                   | Giáo viên | Tổ phó    | Khối 4         | 0,15 |  |
| 134 | Lê Thụy Bảo Châu                | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5         | 0,2  |  |
| 135 | Nguyễn Thị Thanh Dung           | Giáo viên | Tổ phó    | Khối 5         | 0,15 |  |
| 136 | Nguyễn Thị Thu Hương            | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ bộ môn      | 0,2  |  |
| 137 | Nguyễn Hoàng Diễm Trang         | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ Tiếng Anh   | 0,2  |  |
| 138 | Lê Nguyễn Mạnh Hùng             | Giáo viên | Tổ phó    | Tổ Tiếng Anh   | 0,15 |  |
| 139 | Trần Thị Mỹ Vân                 | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT | 0,2  |  |
| 140 | Hà Mỹ Thanh Thuyên              | Nhân viên | Tổ phó    | Văn phòng HCQT | 0,15 |  |
|     | <b>Tiểu học Bạch Đằng</b>       |           |           |                |      |  |



|     |                               |           |           |                     |      |  |
|-----|-------------------------------|-----------|-----------|---------------------|------|--|
| 141 | Nguyễn Thị Ngọc Loan          | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1              | 0,2  |  |
| 142 | Bùi Thị Loan                  | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2              | 0,2  |  |
| 143 | Phan Đình Ngô                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3              | 0,2  |  |
| 144 | Nguyễn Anh Tuấn               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4              | 0,2  |  |
| 145 | Trần Đình Cẩm Tú              | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5              | 0,2  |  |
| 146 | Chung Thị Hoàng Dung          | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT      | 0,2  |  |
|     | <b>Tiểu học Bến Căng</b>      |           |           |                     |      |  |
| 147 | Lê Thị Bảo Châu               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1              | 0,2  |  |
| 148 | Hồ Phương Lan                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2, Anh văn     | 0,2  |  |
| 149 | Nguyễn Thị Kim Phượng         | Giáo viên | Tổ phó    | Khối 2, Anh văn     | 0,15 |  |
| 150 | Lâm Mộng Tuyết                | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3              | 0,2  |  |
| 151 | Cao Hồng Oanh                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4              | 0,2  |  |
| 152 | Phạm Ngọc Vàng                | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5              | 0,2  |  |
| 153 | Trần Khánh Phúc               | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT      | 0,2  |  |
|     | <b>Tiểu học Xóm Chiếu</b>     |           |           |                     |      |  |
| 154 | Phạm Thị Hằng Nga             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1              | 0,2  |  |
| 155 | Võ Thị Kim Phượng             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2              | 0,2  |  |
| 156 | Trần Thị Xuân Hậu             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3              | 0,2  |  |
| 157 | Nguyễn Đức Lê Thiện           | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4              | 0,2  |  |
| 158 | Hoàng Thị Liên Thùy           | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5              | 0,2  |  |
| 159 | Dương Quốc Hùng               | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT      | 0,2  |  |
|     | <b>Tiểu học Đồng Đa</b>       |           |           |                     |      |  |
| 160 | Nguyễn Thị Thu Thủy           | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1              | 0,2  |  |
| 161 | Lương Thị Anh Đào             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2, Anh văn, TD | 0,2  |  |
| 162 | Đỗ Thị Tuyết Hồng             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3              | 0,2  |  |
| 163 | Bùi Mỹ Linh                   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4              | 0,2  |  |
| 164 | Lê Phương Trí                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5              | 0,2  |  |
| 165 | Đào Phạm Thùy Trinh           | Văn thư   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT      | 0,2  |  |
|     | <b>Tiểu học Tăng Bạt Hổ B</b> |           |           |                     |      |  |
| 166 | Nguyễn Thị Lệ Thu             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1              | 0,2  |  |
| 167 | Đoàn Thị Hiền                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2              | 0,2  |  |
| 168 | Phạm Thị Ánh Băng             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3              | 0,2  |  |
| 169 | Nguyễn Vĩnh Lộc               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4              | 0,2  |  |
| 170 | Vi Thị Thúy Nga               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5              | 0,2  |  |

|     |                                  |           |           |                        |      |  |
|-----|----------------------------------|-----------|-----------|------------------------|------|--|
|     | <b>Tiểu học Nguyễn Trường Tộ</b> |           |           |                        |      |  |
| 171 | Phạm Thị Thanh Tùng              | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1                 | 0,2  |  |
| 172 | Phạm Vũ Phương Minh              | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2                 | 0,2  |  |
| 173 | Phạm Thị Minh                    | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3                 | 0,2  |  |
| 174 | Phan Ngọc Thị Cẩm Hằng           | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4                 | 0,2  |  |
| 175 | Lê Chí Hồng Hà                   | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5                 | 0,2  |  |
| 176 | Trần Nguyễn Trúc Như             | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ bộ môn              | 0,2  |  |
| 177 | Lý Hữu Thành                     | Giáo viên | Tổ phó    | Tổ bộ môn              | 0,15 |  |
| 178 | Ngô Huỳnh Minh Phượng            | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>Tiểu học Nguyễn Thái Bình</b> |           |           |                        |      |  |
| 179 | Tôn Thị Tuyết Hằng               | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 1                 | 0,2  |  |
| 180 | Nguyễn Thị Thu Trâm              | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 2                 | 0,2  |  |
| 181 | Lưu Thùy Vân                     | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 3                 | 0,2  |  |
| 182 | Trần Thị Uyên Trang              | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 4                 | 0,2  |  |
| 183 | Nguyễn Thị Ngọc Hạnh             | Giáo viên | Tổ trưởng | Khối 5                 | 0,2  |  |
| 184 | Trần Thị Văn Nhân                | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>Vừa học vừa làm 1/6</b>       |           |           |                        |      |  |
| 185 | Đào Minh Tài                     | Giáo viên | Tổ trưởng | Tổ chuyên môn          | 0,2  |  |
| 186 | Trần Thị Mai Anh                 | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>THCS Nguyễn Huệ</b>           |           |           |                        |      |  |
| 187 | Thái Thị Thủy                    | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn                    | 0,2  |  |
| 188 | Lê Hữu Bình                      | Giáo viên | Tổ trưởng | Toán                   | 0,2  |  |
| 189 | Bùi Thị Kim Dung                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Anh văn                | 0,2  |  |
| 190 | Dương Ngọc Huệ                   | Giáo viên | Tổ trưởng | Sử, Địa, GDCD          | 0,2  |  |
| 191 | Vũ Thị Mỹ Hạnh                   | Giáo viên | Tổ trưởng | Lý, Hóa, Sinh          | 0,2  |  |
| 192 | Đỗ Thị Minh Thọ                  | Giáo viên | Tổ trưởng | C.Nghệ, TD, Nhạc, MT   | 0,2  |  |
| 193 | Nguyễn Thị Thùy Trang            | Văn thư   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>THCS Khánh Hội A</b>          |           |           |                        |      |  |
| 194 | Nguyễn Thành Năng                | Giáo viên | Tổ trưởng | Toán                   | 0,2  |  |
| 195 | Nguyễn Thị Hương                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn                    | 0,2  |  |
| 196 | Đỗ Kim Hòa                       | Giáo viên | Tổ trưởng | Anh văn                | 0,2  |  |
| 197 | Nguyễn Thị Kim Tuyền             | Giáo viên | Tổ trưởng | Lý, Hóa, Sinh, C.Nghệ  | 0,2  |  |
| 198 | Võ Thị Diệu Hạnh                 | Giáo viên | Tổ trưởng | Sử, Địa, GDCD          | 0,2  |  |
| 199 | Lê Văn Thanh                     | Giáo viên | Tổ trưởng | Tin học, Nhạc, Họa, TD | 0,2  |  |



|     |                           |           |           |                        |      |  |
|-----|---------------------------|-----------|-----------|------------------------|------|--|
| 200 | Ngô Thị Mai Thảo          | Văn thư   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>THCS Quang Trung</b>   |           |           |                        |      |  |
| 201 | Bùi Mỹ Dung               | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn                    | 0,2  |  |
| 202 | Võ Ngũ Thọ                | Giáo viên | Tổ trưởng | Toán - Tin             | 0,2  |  |
| 203 | Nguyễn Thúy Hiền          | Giáo viên | Tổ trưởng | Lý, Hóa, Sinh, C. Nghệ | 0,2  |  |
| 204 | Nguyễn Thị Bích Lệ        | Giáo viên | Tổ trưởng | Sử, Địa, GDCD          | 0,2  |  |
| 205 | Phạm Thị Phượng Loan      | Giáo viên | Tổ trưởng | Anh văn                | 0,2  |  |
| 206 | Trần Thúy An              | Giáo viên | Tổ trưởng | TD, Nhạc, Họa          | 0,2  |  |
| 207 | Ngô Phước Linh            | Văn thư   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>THCS Vân Đồn</b>       |           |           |                        |      |  |
| 208 | Lê Thụy Lưu               | Giáo viên | Tổ trưởng | Toán                   | 0,2  |  |
| 209 | Đặng Thị Phương Dung      | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn                    | 0,2  |  |
| 210 | Lê Thị Hoàng Anh          | Giáo viên | Tổ trưởng | Anh văn                | 0,2  |  |
| 211 | Đỗ Thị Nữ Công            | Giáo viên | Tổ trưởng | Lý, Hóa, Sinh          | 0,2  |  |
| 212 | Trần Thị Kim Phượng       | Giáo viên | Tổ trưởng | Sử, Địa, GDCD          | 0,2  |  |
| 213 | Nguyễn Đức Phùng          | Giáo viên | Tổ trưởng | C.Nghệ, TD, Nhạc, MT   | 0,2  |  |
| 214 | Nguyễn Thị Ngọc Bích      | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>THCS Tăng Bạt Hổ A</b> |           |           |                        |      |  |
| 215 | Phạm Văn Nhất             | Giáo viên | Tổ trưởng | Toán - Tin             | 0,2  |  |
| 216 | Phùng Thị Phương Thùy     | Giáo viên | Tổ phó    | Toán - Tin             | 0,15 |  |
| 217 | Tạ Minh Hoàng             | Giáo viên | Tổ trưởng | Lý, Hóa, Sinh          | 0,2  |  |
| 218 | Lê Thị Thúy Hồng          | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn                    | 0,2  |  |
| 219 | Lê Thị Ngọc Thu           | Giáo viên | Tổ trưởng | Sử, Địa, GDCD          | 0,2  |  |
| 220 | Trần Tiến Hoàng           | Giáo viên | Tổ trưởng | Anh văn                | 0,2  |  |
| 221 | Lâm Thị Thanh Thúy        | Giáo viên | Tổ trưởng | C.Nghệ, TD, Nhạc, MT   | 0,2  |  |
| 222 | Huỳnh Nguyễn Hoài Thương  | Nhân viên | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |
|     | <b>THCS Chi Lăng</b>      |           |           |                        |      |  |
| 223 | Võ Thị Thắm               | Giáo viên | Tổ trưởng | Văn                    | 0,2  |  |
| 224 | Nguyễn Thị Bích Vân       | Giáo viên | Tổ trưởng | Toán                   | 0,2  |  |
| 225 | Lê Thị Hồng Vân           | Giáo viên | Tổ trưởng | Anh văn                | 0,2  |  |
| 226 | Mai Nguyễn An Bình        | Giáo viên | Tổ trưởng | Lý, Hóa, Sinh          | 0,2  |  |
| 227 | Mai Hiếu Phước            | Giáo viên | Tổ trưởng | Sử, Địa, GDCD          | 0,2  |  |
| 228 | Hồ Văn Cảnh               | Giáo viên | Tổ trưởng | CN, TD, MT, Nhạc, Tin  | 0,2  |  |
| 229 | Kiều Thái Bảo             | Kế toán   | Tổ trưởng | Văn phòng HCQT         | 0,2  |  |

Danh sách có 229 người.